

Tuần 32

Thứ hai ngày 18 tháng 4 năm 20..

Tiết 1: **Chào cờ**

TẬP TRUNG HỌC SINH DƯỚI CỜ

Tiết 2: **Toán**

ÔN TẬP VỀ CÁC PHÉP TÍNH VỚI SỐ TỰ NHIÊN(TIẾP THEO)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: Biết đặc tính và thực hiện nhân các số tự nhiên với các số không quá ba chữ số (tích không quá sáu chữ số)

2. Kỹ năng:

- Biết đặc tính và thực hiện chia số có nhiều chữ số cho số không quá hai chữ số.
- Biết so sách số tự nhiên. Làm Bt 1 dòng 1,2 ; 2 ; 4 cột 1

3. Thái độ: Tích cực học tập.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC :

| TG | Nội dung | Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh |
|------|--|--|--|
| 3-4' | A.Kiểm tra bài cũ | -GV gọi HS lên bảng trả lời miệng bài 3 trang 162. -GV nhận xét HS. | -2 HS lên bảng thực hiện yêu cầu, HS dưới lớp theo dõi để nhận xét bài của bạn. |
| 1' | B. Bài mới 1. Giới thiệu bài | -Trong giờ học hôm nay chúng ta cùng ôn tập về phép nhân, phép chia các số tự nhiên. | -HS lắng nghe. |
| 30' | 2.Hướng dẫn ôn tập Bài 1 | -Gọi HS nêu yêu cầu của bài. -Yêu cầu HS tự làm bài. -GV chữa bài, yêu cầu HS cả lớp kiểm tra và nhận xét về cách đặt tính, thực hiện phép tính của các bạn làm bài trên bảng. -Có thể yêu cầu HS nêu lại cách tính, thực hiện phép nhân, | - HS đọc bài. -Đặt tính rồi tính. -2 HS lên bảng làm bài, mỗi HS thực hiện 1 phép tính nhân và 1 phép tính chia, HS cả lớp làm bài vào vở. -Nhận xét bài làm của bạn. |

| | | |
|--------------|--|--|
| Bài 2 | <p>chia các số tự nhiên.</p> <p>-Yêu cầu HS đọc đề bài và tự làm bài.</p> <p>-GV chữa bài, yêu cầu HS giải thích cách tìm x của mình.</p> <p>-GV nhận xét HS.</p> | <p>-2 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở.</p> <p>a). $40 \times x = 1400$ $x = 1400 : 40$ $x = 35$</p> <p>b). $x : 13 = 205$ $x = 205 \times 13$ $x = 2665$</p> <p>-2 HS vừa lên bảng lần lượt trả lời:</p> <p>a). x là thừa số chưa biết trong phép nhân, muốn tìm thừa số chưa biết trong phép nhân ta lấy tích chia cho thừa số đã biết.</p> <p>b). x là số bị chia chưa biết trong phép chia. Muốn tìm số bị chia chưa biết trong phép chia ta lấy thương nhân với số chia.</p> |
| Bài 4 | <p>-Yêu cầu HS đọc đề bài, sau đó hỏi: Để so sánh hai biểu thức với nhau trước hết chúng ta phải làm gì ?</p> <p>-Chúng ta đã học các tính chất của phép tính, vì thế ngoài cách làm như trên, khi thực hiện so sánh các biểu thức với nhau các em nên áp dụng các tính chất đó kiểm tra các biểu thức, không nhất thiết phải tính giá trị của chúng.</p> <p>-Yêu cầu HS làm bài</p> <p>-GV chữa bài, yêu cầu HS áp dụng tính nhẩm hoặc các tính chất đã học của phép nhân,</p> | <p>-Chúng ta phải tính giá trị biểu thức, sau đó so sánh các giá trị với nhau để chọn dấu so sánh phù hợp.</p> <p>- HS nghe.</p> <p>-3 HS lên bảng làm bài, mỗi HS làm một dòng trong SGK, HS cả lớp làm vào vở.</p> <p>-Lần lượt trả lời: $13500 = 135 \times 100$ Áp dụng nhân nhẩm một số</p> |

| | | | |
|----|--------------------|--|---|
| 3' | 3. Củng cố, dặn dò | <p>phép chia để giải thích cách điền dấu.</p> <p>-GV tổng kết giờ học. -Dặn dò HS về nhà chuẩn bị bài sau.</p> | <p>với 100. $26 \times 11 > 280$ Áp dụng nhân nhẩm một số hai chữ số với 11 thì $26 \times 11 = 286$</p> |
|----|--------------------|--|---|

Tiết 4: **Tập đọc** **VƯƠNG QUỐC VÀNG NỤ CƯỜI**

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Hiểu nội dung bài: Hiểu nội dung truyện (phần đầu): Cuộc sống thiếu tiếng cười sẽ vô cùng tẻ nhạt, buồn chán.(trả lời được các câu hỏi sgk)
- Hiểu nghĩa các từ ngữ : *nguy cơ, thân hành, du học*

2. Kỹ năng: Biết đọc diễn cảm một đoạn trong bài với giọng phù hợp nội dung diễn tả.

3. Thái độ: Giáo dục học sinh lạc quan, yêu đời.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

1. Giáo viên: Bảng phụ ghi nội dung các đoạn cần luyện đọc

2. Học sinh: Tranh minh họa trong SGK.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC :

| TG | Nội dung | Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh |
|------|--|--|---|
| 3-4' | A.Kiểm tra bài cũ | <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS lên bảng tiếp nối nhau đọc bài "<i>Con chuồn chuồn nước</i>" và trả lời câu hỏi về nội dung bài. - Nhận xét. | <ul style="list-style-type: none"> - HS lên bảng đọc và trả lời nội dung bài. -Nhận xét |
| 2' | B. Bài mới 1. Giới thiệu bài | <ul style="list-style-type: none"> - GV giới thiệu chủ điểm "Tình yêu cuộc sống" - Bên cạnh cơm ăn, nước uống thì những tiếng cười yêu | <ul style="list-style-type: none"> + Quan sát tranh chủ điểm |

| | | | |
|-------|-----------------|--|--|
| 12' | 2. Luyện đọc | <p>đời, những câu chuyện vui, hài hước là những thứ vô cùng cần thiết của con người. Truyện đọc" Vương quốc vắng nụ cười" giúp các em hiểu điều đó.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 1 HS đọc toàn bài - GV phân đoạn (3 đoạn) <p>Đoạn 1 : <i>Từ đầu ... đến chuyên cười cợt</i></p> <p>Đoạn 2 : <i>Tiếp theo ... đến thân đã cố gắng hết sức nhưng không vào.</i></p> <p>Đoạn 3 : <i>Tiếp .. đến hết .</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc nối tiếp(3 lần) - Luyện phát âm, kết hợp nêu chú giải - Cho HS luyện đọc nhóm đôi - GV đọc mẫu | <ul style="list-style-type: none"> - Lớp lắng nghe. - 1 HS đọc bài. - Lắng nghe, đọc thầm. - HS đọc - HS đọc theo nhóm - HS theo dõi - 1 HS đọc thành tiếng, lớp đọc thầm. |
| 8-10' | 3. Tìm hiểu bài | <ul style="list-style-type: none"> + Tìm những chi tiết cho thấy cuộc sống ở vương quốc nọ rất buồn ? + Vì sao cuộc sống ở vương quốc ấy buồn chán như vậy ? + Nhà vua đã làm gì để thay đổi tình hình ? + Kết quả của việc đi du học ra sao ? + Điều gì bất ngờ xảy ra ở đoạn cuối này ? + Thái độ của nhà vua như thế nào khi nghe tin đó? + Qua bài em rút ra được điều | <ul style="list-style-type: none"> - Mặt trời không muốn dậy, chim không muốn hót, hoa trong vườn chưa nở đã tàn, gương mặt mọi người rầu rĩ ... - Vì cư dân ở đó không ai biết cười. - Vua cử một vị đại thần đi du học nước ngoài, chuyên về môn cười . - Sau một năm, viên đại thần trở về, xin chịu tội vì đã gắng hết sức nhưng học không vào ... - Bắt được một kẻ đang cười sằng sặc ngoài đường. - Nhà vua phẫn khởi ra lệnh dẫn người đó vào. - HS nêu: Cuộc sống thiếu |

| | | | |
|----|-----------------------|--|--|
| 8' | 4. Luyện đọc diễn cảm | <p>gì? ND (ghi bảng)</p> <p>- GV dán nội dung bài lên bảng.</p> <p>- Treo bảng phụ ghi đoạn văn cần luyện đọc: <i>Vị đại thân vừa xuất hiện đã vội rập đầu, râu lay :..... Dẫn nó vào!</i> - <i>Đức vua phẫn khởi ra lệnh .</i></p> <p>Yêu cầu HS tìm từ cần nhấn giọng trong đoạn.</p> <p>- Yêu cầu HS luyện đọc.</p> <p>- Tổ chức cho HS thi đọc diễn cảm.</p> <p>- Nhận xét về giọng đọc của từng HS</p> | <p>tiếng cười sẽ vô cùng tế nhị, buồn chán.</p> <p>- HS đọc nội dung và ghi nội dung này vào vở.</p> <p>- 1 HS đọc.</p> <p>- HS nghe và tìm ra giọng đọc của đoạn văn.</p> <p>- HS luyện đọc.</p> <p>- HS thi đọc.</p> |
| 3' | 5. Củng cố, dặn dò | <p>- Câu chuyện giúp em hiểu điều gì?</p> <p>- Nhận xét tiết học.</p> <p>- Dặn HS về nhà học bài và chuẩn bị cho bài học sau.</p> | <p>- HS nêu: Cuộc sống thiếu tiếng cười sẽ vô cùng tế nhị, buồn chán.</p> <p>- Cả lớp thực hiện theo yêu cầu của GV</p> |

Thứ ba ngày 19 tháng 4 năm 20..

Tiết 1: Toán

ÔN TẬP VỀ CÁC PHÉP TÍNH VỚI SỐ TỰ NHIÊN (TIẾP THEO)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Tính được giá trị biểu thức chứa hai chữ.
- Thực hiện được 4 phép tính với số tự nhiên.

2. Kỹ năng:

- Biết giải bài toán liên quan đến các phép tính với số tự nhiên.
- Làm BT 1 a; 2; 4

3. Thái độ: Vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

HOC360.NET - TÀI LIỆU HỌC TẬP MIỄN PHÍ

1. **Giáo viên:** Phần màu.

2. **Học sinh:** Bảng con, phần.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC :

| TG | Nội dung | Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh |
|------|--|--|--|
| 3-4' | A.Kiểm tra bài cũ | -GV gọi 2 HS lên bảng chữa bài 3 trang 163. -GV nhận xét HS. | - HS lên bảng thực hiện yêu cầu, HS dưới lớp theo dõi để nhận xét bài của bạn. |
| 1' | B. Bài mới 1. Giới thiệu bài | -Trong giờ học này các em sẽ tiếp tục ôn tập về các phép tính với số tự nhiên. | -HS lắng nghe. |
| 32' | 2.Hướng dẫn ôn tập Bài 1 | -Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì ? -Yêu cầu HS làm bài. | -Tính giá trị của các biểu thức có chứa chữ. -2 HS lên bảng làm bài, mỗi HS làm một phần, HS cả lớp làm bài vào vở. a). Với $m = 952$; $n = 28$ thì: $m + n = 952 + 28 = 980$ $m - n = 952 - 28 = 924$ $m \times n = 952 \times 28 = 26656$ $m : n = 952 : 28 = 34$ b). Với $m = 2006$; $n = 17$ thì: $m + n = 2006 + 17 = 2023$ $m - n = 2006 - 17 = 1989$ $m \times n = 2006 \times 17 = 34102$ $m : n = 2006 : 17 = 118$ |
| | Bài 3 | -GV chữa bài làm của HS. -Yêu cầu HS tính giá trị của các biểu thức trong bài, khi chữa bài có thể yêu cầu HS nêu thứ tự thực hiện các phép tính trong biểu thức có các dấu tính cộng, trừ, nhân, chia, biểu thức có dấu ngoặc. | -HS làm bài, sau đó đổi chéo vở để kiểm tra bài lẫn nhau. a) $12054 : (15 + 67) =$ $12054 : 82 = 147$ $29150 - 136 \times 201$ $= 29150 - 27336 = 1814$ b) $9700 : 100 + 36 \times 12$ |

| | | | |
|-----------|---|--|---|
| <p>3'</p> | <p>Bài 4</p> <p>3. Củng cố, dặn dò</p> | <p>-Gọi HS đọc đề bài toán.</p> <p>+Bài toán yêu cầu chúng ta làm gì ?</p> <p>+Để biết được trong hai tuần đó trung bình mỗi ngày cửa hàng bán được bao nhiêu mét vải chúng ta phải biết được gì?</p> <p>-Yêu cầu HS làm bài.</p> <p>-GV chữa bài, sau đó yêu cầu HS đổi chéo vở để kiểm tra bài lẫn nhau.</p> <p>-GV tổng kết giờ học.</p> <p>-Dặn dò HS về nhà chuẩn bị bài sau.</p> | <p>$= 97 + 432 = 529$ $(160 \times 5 - 25 \times 4) : 4$ $= (800 - 100) : 4$ $= 700 : 4 = 175$</p> <p>-1 HS đọc thành tiếng, các HS khác đọc thầm.</p> <p>+Trong hai tuần, trung bình cửa hàng mỗi ngày bán được bao nhiêu mét vải ?</p> <p>+Chúng ta phải biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tổng số mét vải bán trong hai tuần. • Tổng số ngày mở cửa bán hàng của hai tuần. <p>-1 HS lên bảng làm bài, HS cả lớp làm bài vào vở.</p> <p>Bài giải</p> <p>Tuần sau cửa hàng bán được số mét vải là: $319 + 76 = 395$ (m)</p> <p>Cả hai tuần cửa hàng bán được số mét vải là $319 + 395 = 714$ (m)</p> <p>Số ngày cửa hàng mở cửa trong hai tuần là: $7 \times 2 = 14$ (ngày)</p> <p>Trung bình mỗi ngày cửa hàng bán được số mét vải là: $714 : 14 = 51$ (m)</p> <p>Đáp số: 51 m</p> |
|-----------|---|--|---|

Tiết 2: **Tập đọc**
NGẮM TRĂNG - KHÔNG ĐỀ

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Hiểu nội dung bài: Nêu bật tinh thần lạc quan yêu đời, yêu cuộc sống, không nản chí trước khó khăn trong cuộc sống của Bác Hồ (trả lời được các câu hỏi sgk, thuộc 1 trong 2 bài thơ)
- Hiểu nghĩa các từ ngữ: hững hờ(Ngắm trăng) ; Không đề, bương (Không đề)

...
2. Kỹ năng: Bước đầu biết đọc diễn cảm bài thơ ngắn với giọng nhẹ nhàng, phù hợp nội dung.

3. Thái độ: Giáo dục học sinh không nản chí trước khó khăn.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

1. Giáo viên: Bảng phụ.

2. Học sinh: Tranh minh họa bài học trong SGK.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC :

| TG | Nội dung | Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh |
|------|---------------------------------------|--|---|
| 3-4' | A.Kiểm tra bài cũ | - Gọi HS lên bảng đọc bài "Vương quốc vắng nụ cười " | - HS lên bảng thực hiện yêu cầu. |
| 2' | B.Bài mới 1. Giới thiệu bài | -Trong tiết học hôm nay, các em sẽ được đọc hai bài thơ của Bác Hồ. Với hai bài thơ này, các em sẽ thấy Bác Hồ có một phẩm chất rất tuyệt vời: luôn lạc quan, yêu đời, yêu cuộc sống, bất chấp mọi hoàn cảnh khó khăn. | + Lắng nghe. |
| 32' | 2. Giảng bài | <u>Bài " Ngắm Trăng "</u> - Gọi 1HS đọc toàn bài - Gọi HS đọc bài (3 lần) - Luyện phát âm, kết hợp nêu chú giải. - HS luyện đọc nhóm đôi. - GV đọc mẫu. * Tìm hiểu bài: + Bác Hồ ngắm trăng trong | - HS đọc to, lớp đọc thầm. - HS đọc - HS đọc theo nhóm + Bác ngắm trăng qua cửa sổ |

| | | |
|--|---|---|
| | <p>hoàn cảnh nào ?</p> <ul style="list-style-type: none">- GV: nhà tù này là của Tưởng Giới Thạch ở Trung Quốc.+ Hình ảnh nào cho biết tình cảm gắn bó giữa Bác Hồ với trăng?+ Em hiểu "nhòm " có nghĩa là gì ?+ Bài thơ nói lên điều gì về Bác Hồ ? <p>- Nêu nội dung của bài.</p> <p>* Đọc diễn cảm bài thơ :</p> <ul style="list-style-type: none">- Yêu cầu 1HS đọc- Yêu cầu HS đọc diễn cảm <p><u>Bài " Không đề "</u></p> <ul style="list-style-type: none">- GV hướng dẫn tương tự bài trên. <p>* Tìm hiểu bài:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Bác Hồ ngắm trăng trong hoàn cảnh nào ? Từ ngữ nào cho biết điều đó ? <p>+ Hình ảnh nào cho biết lòng yêu đời và phong thái ung dung của Bác Hồ ?</p> <p>+ Em hiểu "bương " có nghĩa</p> | <p>phòng giam trong nhà tù.</p> <ul style="list-style-type: none">+ Lắng nghe. <ul style="list-style-type: none">- "Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ. Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ ."- Là ý nói được nhân hoá như trăng biết nhìn, biết ngó.- Em thấy Bác Hồ là người không sợ gian khổ, khó khăn.- Bác Hồ là người coi thường gian khổ luôn sống lạc quan, yêu đời, yêu thiên nhiên. <p>* Bài thơ ca ngợi tinh thần lạc quan yêu đời, yêu cuộc sống cho dù cuộc sống còn gặp nhiều khó khăn.</p> <p>Cả lớp theo dõi tìm cách đọc</p> <ul style="list-style-type: none">-HS đọc diễn cảm cả bài. <p>+ Bác Hồ sáng tác bài thơ này ở chiến khu Việt Bắc, trong thời kì kháng chiến chống Thực dân Pháp rất gian khổ.</p> <ul style="list-style-type: none">- Những từ ngữ cho biết điều đó: đường sâu, rừng sâu quân đến, tung bay chim ngàn)- " Khách đến thăm Bác trong cảnh đường non đầy hoa; quân đến rừng sâu, chim rừng tung bay. Bàn xong việc quân việc nước, Bác xách bương, dắt trẻ ra vườn tưới rau.- Là loại cây thuộc họ vối tre |
|--|---|---|

| | | | |
|----|--------------------|--|---|
| 3' | 5. Cùng cố, dặn dò | <p>là gì ?</p> <p>GV: Qua lời tả của Bác, cảnh rừng núi chiến khu rất đẹp, thơ mộng. Giữa bộn bề việc quân, việc nước, Bác vẫn sống rất bình dị, yêu trẻ, yêu đời.</p> <p>- Nêu nội dung của bài.</p> <p>* Đọc diễn cảm - HTL bài thơ : - Tổ chức cho HS thi đọc thuộc lòng tại lớp.) - Hai bài thơ giúp em hiểu được điều gì về tính cách của Bác Hồ ? - Nhận xét tiết học.</p> | <p>trúc, có nhiều đọt thẳng dùng để chứa nước.</p> <p>+ Lắng nghe</p> <p>- Bài thơ nói lên tinh thần lạc quan yêu đời, phong thái ung dung của Bác cho dù cuộc sống còn gặp nhiều khó khăn.</p> <p>- HS đọc - 3 HS đọc diễn cảm - HS thi đọc – nhận xét</p> <p>- HS trả lời</p> |
|----|--------------------|--|---|

Tiết 3: Chính tả
VƯƠNG QUỐC VẮNG NỤ CƯỜI

I. MỤC TIÊU:

- 1. Kiến thức:** Nghe – viết đúng bài chính tả, biết trình bày đúng đoạn văn trích trong bài "Vương quốc vắng nụ cười".
- 2. Kỹ năng:** Làm đúng BT chính tả 2a.
- 3. Thái độ:** Giáo dục HS có ý thức giữ vở sạch viết chữ đẹp.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

- Bảng phụ. Phần màu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC :

| TG | Nội dung | Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh |
|------|--|--|--|
| 3-4' | A. Kiểm tra bài cũ | -Gọi HS lên bảng viết: <i>khoảnh khắc, bay bổng</i> . - GV nhận xét. | - HS lên bảng viết. -HS ở lớp viết vào nháp. |
| 2' | B. Bài mới 1. Giới thiệu bài | -GV nêu mục đích, yêu cầu cần đạt của tiết học. | + Lắng nghe. |
| 22' | 2.Hướng dẫn HS nghe- viết | - HS đọc đoạn văn viết trong bài : " Vương quốc vắng nụ cười " + Đoạn này nói lên điều gì ? | -HS đọc đoạn trong bài viết, lớp đọc thầm - Nỗi buồn chán, tẻ nhạt trong vương quốc vắng nụ cười. |

1. **Kiến thức:** Biết nhận xét một số thông tin trên biểu đồ cột
2. **Kĩ năng:** Làm tốt BT 2,3
3. **Thái độ:** Tích cực nghe giảng.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

- Các biểu đồ trang 164, 165, 166 SGK.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC :

| TG | Nội dung | Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh |
|------|--|--|---|
| 3-4' | A. Kiểm tra bài cũ | -GV gọi HS lên bảng chữa bài 5 trang 164. | -1 HS lên bảng thực hiện yêu cầu, HS dưới lớp theo dõi để nhận xét bài của bạn. |
| | | | Bài giải Mẹ đã mua hết số tiền là: $24000 \times 2 + 9800 \times 6 = 106800$ (đồng) Lúc đầu mẹ có số tiền là: $106800 + 93200 = 200000$ (đ) Đáp số: 200 000 đồng |
| 1' | B. Bài mới 1. Giới thiệu bài | -GV nhận xét HS. -Trong giờ học này các em sẽ cùng ôn tập về đọc, phân tích và xử lí các số liệu của biểu đồ tranh và biểu đồ hình cột. | -HS lắng nghe. |
| 32' | 2. Hướng dẫn ôn tập Bài 2 | -Treo biểu đồ. + Nêu tên biểu đồ? | - HS quan sát biểu đồ và đọc đề, nêu yêu cầu của bài. - Biểu đồ nói về diện tích 3 thành phố của nước ta. -HS trả lời miệng câu a, làm câu b vào vở. a). Diện tích thành phố Hà Nội là 921 km^2 Diện tích thành phố Đà Nẵng là 1255 km^2 Diện tích thành phố Hồ Chí Minh là 2095 km^2 b). Diện tích Đà Nẵng lớn |

| | | | |
|----|--|--|--|
| 3' | Bài 3 3. Củng cố, dặn dò | <p>- GV cùng HS nhận xét. -GV treo biểu đồ, yêu cầu HS đọc biểu đồ, đọc kĩ câu hỏi và làm bài vào vở.</p> <p>-GV chữa bài, nhận xét HS. -GV tổng kết giờ học. -Dặn dò HS về nhà làm bài tập 1 và chuẩn bị bài sau.</p> | <p>hơn diện tích Hà Nội số ki-lô-mét là: $1255 - 921 = 334 \text{ (km}^2\text{)}$ Diện tích Đà Nẵng bé hơn diện tích thành phố Hồ Chí Minh số ki-lô-mét là: $2095 - 1255 = 840 \text{ (km}^2\text{)}$</p> <p>-2 HS lên bảng làm bài, mỗi HS làm 1 phần, HS cả lớp làm bài vào vở.</p> <p>a). Trong tháng 12, cửa hàng bán được số mét vải hoa là: $50 \times 42 = 2100 \text{ (m)}$ b). Trong tháng 12 cửa hàng bán được số cuộn vải là: $42 + 50 + 37 = 129 \text{ (cuộn)}$ Trong tháng 12 cửa hàng bán được số mét vải là: $50 \times 129 = 6450 \text{ (m)}$</p> |
|----|--|--|--|

Tiết 3: **Luyện từ và câu**
THÊM TRẠNG NGỮ CHỈ THỜI GIAN CHO CÂU

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: - HS hiểu tác dụng và đặc điểm của trạng ngữ chỉ thời gian cho câu (trả lời câu hỏi: bao giờ?, khi nào?, mấy giờ?)

2. Kỹ năng: - Nhận diện được trạng ngữ chỉ thời gian trong câu (BT1, mục III), bước đầu biết thêm trạng ngữ cho trước vào chỗ thích hợp trong đoạn văn a hoặc đơn vị b ở BT2.

3. Thái độ:

- Biết dùng trạng ngữ khi nói và viết.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

1. Giáo viên:

2. Học sinh:

Bảng phụ, bảng nhóm.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC :

| TG | Nội dung | Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh |
|------|--|---|--|
| 3-4' | A. Kiểm tra bài cũ | Đặt câu có trạng ngữ chỉ nơi chốn - GV nhận xét. | - 2 HS đặt câu – nhận xét |
| 1' | B. Bài mới 1. Giới thiệu bài | -GV nêu mục đích, yêu cầu cần đạt của tiết học. | - HS lắng nghe. |
| 12' | 2. Phân nhận xét | <p>* Bài tập 1, 2:</p> <p>- Gọi HS đọc và nêu yêu cầu của BT1 + 2. + Bài yêu cầu gì?</p> <p>- Cho HS làm bài. - Gọi HS trình bày kết quả. - GV nhận xét và chốt lại:</p> <p>* Bài tập 3:</p> <p>- Gọi HS đọc yêu cầu bài tập. - Cho HS làm bài. - Cho HS trình bày kết quả bài làm.</p> | <p>- HS đọc, lớp lắng nghe.</p> <p>- Tìm trạng ngữ trong câu, xác định trạng ngữ đó bổ sung ý nghĩa gì cho câu. - HS làm bài. - Một số HS phát biểu ý kiến. - Lớp nhận xét. 1). Trạng ngữ có trong câu: <i>Đúng lúc đó</i> 2). Trạng ngữ bổ sung ý nghĩa thời gian cho câu.</p> <p>- HS đọc, lớp lắng nghe. - HS làm bài. - HS phát biểu ý kiến. - Lớp nhận xét.</p> |

